

Bình Định, ngày 05 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện của năm 2023	Ước thực hiện năm 2023/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	948,00	939,73	99,13	96,05
1	Lệ phí	743,00	768,00	103,36	106,82
-	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	743,00	768,00	103,36	106,82
-	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Phí	205,00	171,73	83,77	66,20
-	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	52,00	37,70	72,50	92,18
-	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	153,00	132,03	86,29	62,87
-	Phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức	0,00	2,00	0,00	23,53
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	159,00	119,33	75,05	63,51
1	Chi quản lý hành chính	159,00	119,33	75,05	63,51
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	159,00	119,33	75,05	63,51
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	789,00	809,61	102,61	102,42
1	Lệ phí	743,00	768,00	103,36	106,82
	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	743,00	768,00	103,36	106,82
	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Phí	46,00	41,61	90,46	58,20
-	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	46,00	39,61	86,11	62,87
	Phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức	0,00	2,00	-	23,53
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.907,83	7.846,09	99,22	100,98
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.907,83	7.846,09	99,22	100,98
1	Chi quản lý hành chính	7.157,57	7.140,15	99,76	106,80

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện của năm 2023	Ước thực hiện năm 2023/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.498,00	5.498,00	100,00	103,08
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.659,57	1.642,15	98,95	121,53
2	Chi hoạt động kinh tế	50,00	7,68	15,36	45,50
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	50,00	7,68	15,36	45,50
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	567,47	567,47	100,00	57,97
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	567,47	567,47	100,00	57,97
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,00	0,00	0,00	0,00
4	Sử dụng nguồn CCTL và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	58,00	58,00	100,00	102,42
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00	0,00
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	58,00	58,00	100,00	102,42
5	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	74,79	72,79	97,33	227,26
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	74,79	72,79	97,33	227,26
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,00	0,00	0,00	0,00

Người lập

Thhoa

Trần Thị Minh Hoàng



KT. GIÁM ĐỐC
Thủ trưởng đơn vị

Quỳnh Quang Vinh